

Mã đề thi 302

Họ, tên

Số báo danh

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VIII, trạm khí tượng nào có lượng mưa cao nhất trong các trạm sau đây?

A. Điện Biên Phủ.

B. Nha Trang.

C. Đà Nẵng.

D. Đà Lạt.

Câu 42: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020?

A. Ma-lai-xi-a thấp hơn Phi-lip-pin.

B. Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.

C. Phi-lip-pin cao hơn Mi-an-ma.

D. Mi-an-ma thấp hơn Thái Lan.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây ở phía nam núi Phú Pha Phong?

A. Tân Viên.

B. Pha Luông.

C. Phú Luông.

D. Chí Linh.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Thanh Hóa.

B. Hà Tĩnh.

C. Quảng Trị.

D. Quảng Bình.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị sau đây?

A. Hà Tiên.

B. Vị Thanh.

C. Long Xuyên.

D. Bạc Liêu.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường sắt từ Hà Nội nối với cửa khẩu quốc tế nào sau đây?

A. Cầu Treo.

B. Tây Trang.

C. Na Mèo.

D. Lào Cai.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Pleiku thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Kon Tum.

B. Lâm Đồng.

C. Gia Lai.

D. Đắk Lắk.

Câu 48: Công nghiệp ở vùng núi nước ta phát triển

A. tập trung cao.

B. rất nhanh.

C. còn chậm.

D. rất đa dạng.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu?

A. Thái Nguyên.

B. Vũng Tàu.

C. Cần Thơ.

D. Hải Phòng.

Câu 50: Tiềm năng để phát triển nhiệt điện ở nước ta là

A. thủy triều.

B. dầu khí.

C. sức gió.

D. thác nước.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Đà Nẵng?

A. Đại Lãnh.

B. Mũi Né.

C. Non Nước.

D. Sa Huỳnh.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào trồng nhiều hồ tiêu trong các tỉnh sau đây?

A. Cà Mau.

B. Bạc Liêu.

C. Hậu Giang.

D. Tây Ninh.

Câu 53: Vấn đề cần quan tâm trong phát triển trồng trọt ở Đông Nam Bộ là

- A. rét hại. B. sương muối. C. động đất. D. thủy lợi.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Sông Hậu. B. Sông Krông Ana. C. Sông Krông Knô. D. Sông Ia Lốp.

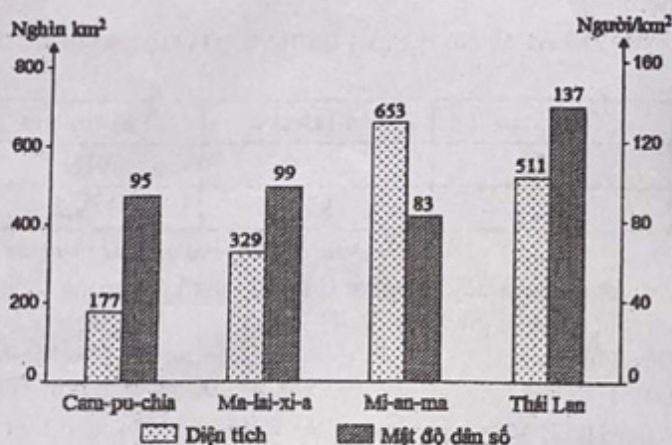
Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây có cả đường bờ biển và biên giới quốc gia?

- A. Phú Yên. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 56: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng ven biển nước ta khi có bão?

- A. Sóng thần. B. Lũ quét. C. Ngập mặn. D. Lũ nguồn.

Câu 57: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Cam-pu-chia lớn hơn Ma-lai-xi-a. B. Mi-an-ma lớn hơn Thái Lan.
C. Thái Lan gấp hơn bốn lần Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma gấp hơn hai lần Ma-lai-xi-a.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô GDP lớn nhất trong các trung tâm sau đây?

- A. Nam Định. B. Hải Phòng. C. Huế. D. Vinh.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác sắt?

- A. Yên Bái. B. Lai Châu. C. Tuyên Quang. D. Bắc Kạn.

Câu 60: Bón phân hữu cơ cho đất trồng ở đồng bằng nước ta là biện pháp để

- A. chống xói mòn. B. ngăn ngập lụt. C. chống ô nhiễm. D. tăng độ phì.

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm nào sau đây có ngành công nghiệp chế biến lương thực và chế biến thủy hải sản?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Phan Thiết. D. Tân An.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trồng nhiều chè trong các tỉnh sau đây?

- A. Hà Giang. B. Quảng Bình. C. Vĩnh Long. D. Bình Định.

Câu 63: Tỷ lệ dân thành thị nước ta hiện nay

- A. gia tăng đều nhau ở khắp các vùng. B. lớn hơn rất nhiều so với nông thôn.
C. còn thấp so với thế giới và khu vực. D. không có sự thay đổi qua các năm.

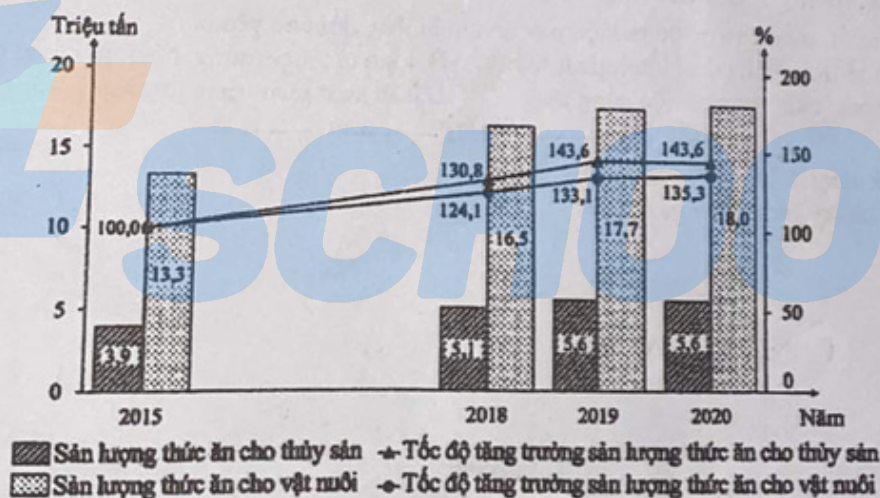
Câu 64: Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. tăng cường mở rộng các thành phố. B. hội nhập kinh tế toàn cầu sâu rộng.
C. phát triển kinh tế nhiều thành phần. D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 65: Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung ở lĩnh vực công nghiệp. B. tương ứng với quá trình hiện đại hóa.
C. làm gia tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân. D. hình thành nên khu kinh tế ven biển.

- Câu 66:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay
- A. phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.
B. phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.
C. chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu.
D. tập trung hầu hết ở các đầm phá.
- Câu 67:** Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay
- A. thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.
B. hình thành các nhà máy lọc hóa dầu.
C. chỉ tập trung ở thềm lục địa phía bắc.
D. phục vụ hoạt động xuất khẩu dầu thô.
- Câu 68:** Chăn nuôi gia súc ăn cỏ ở nước ta hiện nay
- A. hoàn toàn nhằm mục đích lấy sữa.
B. chủ yếu dựa vào thức ăn tự nhiên.
C. phân bố tập trung ở ven các đô thị.
D. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu.
- Câu 69:** Vận chuyển bằng đường ống nước ta hiện nay
- A. có nhiều tuyến nối liền với các nước.
B. chỉ dùng để vận chuyển khí tự nhiên.
C. phân bố đều khắp ở các vùng kinh tế.
D. gắn với phát triển của ngành dầu khí.
- Câu 70:** Nước ta tiếp giáp với Biển Đông nên có
- A. các dãy núi hướng vòng cung.
B. thảm thực vật giàu sức sống.
C. lượng mưa phân bố theo mùa.
D. gió Mậu dịch thổi quanh năm.
- Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc bảo vệ rừng phòng hộ ở Tây Nguyên là
- A. góp phần chống lũ, điều hòa nước các sông.
B. phòng chống xói mòn, mở rộng độ che phủ.
C. chống sạt lở đất, bảo vệ động vật hoang dã.
D. giữ gìn cảnh quan, duy trì đa dạng sinh học.
- Câu 72:** Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. tăng chuyên canh, gắn với thị trường tiêu thụ.
B. nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại.
C. sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.
D. mở rộng diện tích, ứng dụng công nghệ mới.
- Câu 73:** Cho biểu đồ về sản xuất thức ăn cho thủy sản và thức ăn cho vật nuôi của nước ta giai đoạn 2015 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và tốc độ tăng trưởng sản lượng.
B. Tình hình phát triển và cơ cấu sản lượng.
C. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu sản lượng.
D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sản lượng.
- Câu 74:** Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả tự nhiên trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. tăng vụ, thúc đẩy sản xuất chuyên môn hóa.
B. sử dụng các giống tốt, đẩy mạnh xuất khẩu.
C. có cơ cấu sản xuất hợp lý, chú ý nước ngọt.
D. thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng trọt.
- Câu 75:** Vùng Tây Bắc Bộ có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Bắc Trung Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, độ cao vùng núi, gió mùa Tây Nam.
B. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, vị trí địa lí, dải hội tụ nhiệt đới.
C. gió tây nam, Tín phong bán cầu Bắc, hướng của địa hình đồi núi, vị trí địa lí.
D. gió đông bắc, khối khí Bắc Ấn Độ Dương đến, gió mùa Tây Nam, địa hình.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng sản xuất hàng hóa, nâng vị thế của vùng, khai thác các tiềm năng.
- B. đa dạng nông sản, phát triển mô hình kinh tế mới, khai thác thế mạnh.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
- D. giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, hạn chế nạn du canh.

Câu 77: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. làm tăng giá trị tài nguyên, thay đổi bộ mặt nông thôn, mở rộng sản xuất.
- B. phát huy thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
- C. khai thác tiềm năng, tăng thu nhập dân cư, tạo nguyên liệu công nghiệp.
- D. sử dụng hợp lý thiên nhiên, đa dạng nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của đa dạng hóa loại hình du lịch ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thúc đẩy sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. tạo nhiều sản phẩm, tăng sự hấp dẫn của vùng.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- D. đáp ứng thị trường, khai thác nhiều thế mạnh.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	2015	2018	2019	2020
Trong nước	843,3	688,2	1 429,8	1 358,3
Quốc tế	3 198,0	4 955,2	4 788,9	2 203,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Tròn, đường, miền.
- B. Miền, cột, tròn.
- C. Đường, tròn, cột.
- D. Cột, đường, miền.

Câu 80: Trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay có nhiều thay đổi chủ yếu do

- A. cơ cấu kinh tế thay đổi, có nhiều ngành mới.
- B. kinh tế tăng trưởng, hội nhập toàn cầu rộng.
- C. đô thị mở rộng, chất lượng cuộc sống tăng.
- D. sản xuất phát triển, đẩy mạnh công nghiệp.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.